

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-5-2020.

V/v ly hôn giữa chị T và anh P.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐ-ST ngày 13/4/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm 1979, nơi cư trú: Số nhà 85, đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, anh Phong vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 9 năm 2019 nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày: Chị và anh Lê Thanh P sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 103/2000/CN-KH ngày 25 tháng 12 năm 2000, chị cùng anh P chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên chị T yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh P. Chị T và anh P chung sống với nhau có 02 người con chung tên là Lê Thị Kim Th, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động và Lê Thị Vân T, sinh ngày 29/4/2009, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Thanh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Hồng T và anh Lê Thanh P kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nên chị T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh P, anh P có đăng ký thường trú tại thành phố V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời anh P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo chứng cứ do chị T cung cấp trong hồ sơ, chị T và anh P có đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 103/2000/CN-KH ngày 25 tháng 12 năm 2000. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị T và anh P sống ly thân, anh P đã được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh P chung sống với nhau có 02 người con chung tên là Lê Thị Kim T, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động và Lê Thị Vân T, sinh ngày 29/4/2009, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, đối với Lê Thị Kim T, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không phải xem xét giải quyết; đối với Lê Thị Vân T, sinh ngày 29/4/2009, từ khi ly thân với nhau cháu T là do chị T nuôi dưỡng và tại biên bản ghi lời khai ngày 07/01/2020, khi được hỏi ý kiến thì cháu T cũng

có nguyện vọng sống với chị T, chị T cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu T, nên để cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, do chị T và cháu T không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu tiền án phí, nên chị T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng T ly hôn anh Lê Thanh P.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Vân T, sinh ngày 29/4/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh P, nhưng nếu anh P lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh P.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Hồng T phải nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tiền án phí sơ thẩm hôn nhân & gia đình, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0004945 ngày 09/10/2019, chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường N, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
Giải quyết việc vắng mặt bị đơn**

Vào hồi 08 giờ 10 phút, ngày 13 tháng 4 năm 2020.

Tại phòng nghị án.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

Căn cứ Điều 235 và Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tiến hành họp giải quyết vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
430/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng Thủy, sinh năm 1979.

Bị đơn: Anh Lê Thanh Phong, sinh năm 1978.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

Xét thấy, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, vắng mặt không rõ lý do, nhưng căn cứ vào Chỉ thị của Tòa án nhân dân tối cao về việc phòng, chống dịch Covid 19, nên việc vắng mặt của anh Phong lần thứ 2 được xem là khách quan.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng khoản 1 Điều 227; Điều và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoãn phiên tòa vụ án nêu trên. Phiên tòa được mở lại lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12/5/2020.

Kết quả biểu quyết 3/3 ý kiến, không có ý kiến khác.

Biên bản kết thúc lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA